

BÀI 10: BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó là nội dung của khái niệm

- A. phúc lợi xã hội. B. an sinh xã hội. C. bảo hiểm xã hội. D. bình đẳng giới.

Câu 2: Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm – là thể hiện sự bình đẳng giới trong lĩnh vực

- A. Chính trị. B. Văn hóa. C. Giáo dục. D. Lao động.

Câu 3: Ở nước ta hiện nay, nam nữ bình đẳng trong về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan tổ chức là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực

- A. chính trị. B. văn hóa. C. kinh tế. D. gia đình.

Câu 4: Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị?

- A. Đăng ký học nâng cao trình độ. B. Góp ý dự thảo Luật đất đai sửa đổi.
C. Hưởng trợ cấp tai nạn lao động. D. Đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động thể hiện ở việc, lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội

- A. thôn tính thị trường. B. duy trì lạm phát.
C. cân bằng giới tính. D. tiếp cận việc làm.

Câu 6: Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc, cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc tham gia

- A. quản lý gia đình. B. quản lý nhà nước.
C. quản lý doanh nghiệp. D. quản lý kinh tế.

Câu 7: Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là: nam, nữ bình đẳng trong việc

- A. tiếp cận các cơ hội việc làm. B. lựa chọn ngành nghề học tập.
C. tham gia các hoạt động xã hội. D. tiếp cận nguồn vốn đầu tư.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, việc nam nữ bình đẳng trong tham gia hoạt động xã hội là nội dung cơ bản về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. văn hóa. B. gia đình. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 9: Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là nam, nữ bình đẳng trong việc

- A. tham gia các hoạt động xã hội. B. tiếp cận nguồn vốn đầu tư.
C. lựa chọn ngành nghề học tập. D. tiếp cận các cơ hội việc làm.

Câu 10: Để đảm bảo bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị, nội dung nào dưới đây phù hợp với quy định của pháp luật về tỉ lệ nữ tham gia làm đại biểu Hội đồng nhân dân

- A. Tỉ lệ nữ phải bằng với tỉ lệ nam. B. Cần đảm bảo tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu.
C. Nữ chỉ cần có một người đại diện. D. Tỉ lệ nữ nhất định phải nhiều hơn nam.

Câu 11: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực. B. chiếm hữu tài sản công cộng.
C. tôn trọng danh dự của nhau. D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, việc nam nữ đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là nội dung cơ bản về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. gia đình. B. chính trị. C. kinh tế. D. văn hóa.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, một trong những biện pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục là việc quy định phải đảm bảo tỷ lệ nam nữ trong việc

- A. ứng cử đại biểu Quốc hội B. quản lý doanh nghiệp.
C. tham gia học tập, đào tạo. D. bổ nhiệm các chức danh quản lý.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?

- A. Quy định tỷ lệ nam nữ khi tuyển dụng.
B. Bảo đảm tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.
C. Ưu đãi thuế với doanh nghiệp nhiều lao động nữ.
D. Quy định điều kiện an toàn đối với lao động nữ.

Câu 15: Việc đảm bảo một tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. văn hóa. B. gia đình. C. chính trị. D. kinh tế.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, việc cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng giới giới trong lĩnh vực

- A. lao động. B. văn hóa. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 17: Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức là quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Văn hoá. B. Chính trị. C. Lao động. D. Kinh tế.

Câu 18: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình quy định, vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. lựa chọn giới tính thai nhi. B. tôn trọng ý kiến của nhau.
C. áp đặt vị trí việc làm. D. áp đặt quan điểm tôn giáo.

Câu 19: Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo - đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

- A. Giáo dục và đào tạo. B. Chính trị và xã hội.
C. Hôn nhân và gia đình. D. Khoa học và công nghệ.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 20,21,22,23

Số lao động nam của công ty X ít hơn số lao động nữ. Với mục đích nâng cao tay nghề cho người lao động, Công ty đã tổ chức một cuộc thi nhằm tuyển chọn 15 người để cử đi tu nghiệp tại nước ngoài theo mức điểm từ cao xuống thấp. Dựa trên kết quả cuộc thi, công ty đã quyết định cử 15 người trúng tuyển ra nước ngoài học tập, trong đó 9 người là nam và 6 người là nữ. Thời gian gần đây, công ty mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường nên Công ty đã thông báo tuyển dụng thêm nhân sự. Trong thông báo tuyển dụng nêu rõ, công ty chỉ tuyển dụng lao động nữ.

Câu 20. Việc tổ chức thi tuyển nhằm tuyển chọn người trúng tuyển ra đi tu nghiệp ở nước ngoài học tập của Công ty X thể hiện nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

- A. Lao động. B. Giáo dục và đào tạo. C. Kinh tế. D. Gia đình.

Câu 21. Nội dung nào trong thông tin trên vi phạm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?

- A. Số lao động nam của công ty ít hơn lao động nữ. B. Công ty tổ chức thi tuyển.
C. Thông báo tuyển dụng chỉ tuyển lao động nữ. D. Cử người đi tu nghiệp ở nước ngoài.

Câu 22. Thông tin trên đã đề cập đến bình đẳng giới trên những lĩnh vực nào?

- A. Giáo dục đào tạo và lao động. B. Kinh doanh và giáo dục đào tạo.
C. Xã hội và Giáo dục đào tạo. D. Hôn nhân và gia đình.

Câu 23. Qua thông tin trên, việc thực hiện bình đẳng giới mang lại ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người và xã hội?

- A. Nam, nữ được tạo điều kiện để phát huy năng lực của mình.
B. Nam, nữ thực hiện công việc không đúng với khả năng của mình.
C. Nam, nữ không được tự do sử dụng sức lao động của mình.
D. Nam, nữ không có cơ hội như nhau trong việc tuyển dụng.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 24,25,26

Báo cáo rà soát tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 cho rằng bình đẳng giới đã mang lại những thay đổi tích cực ở các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các lĩnh vực khác. Trong giai đoạn này. “Lần đầu tiên có 3 nữ ủy viên Bộ Chính trị, nữ Chủ tịch Quốc hội. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế và có nhiều cơ hội để có những việc làm tốt, mang lại thu nhập cao hơn. Về giáo dục, tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối”. Trong lĩnh vực y tế thì: “Ngành y tế chỉ đạo các cơ sở y tế, các đơn vị trực thuộc phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và nam giới” và “Nhiều bệnh viện ở trung ương và địa phương đã hình thành khoa nam học và tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa nam học để mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới”.

Câu 24. Thông tin trên cho thấy, nữ giới tham gia và giữ nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan quyền lực nhà nước là bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 25. Tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối là biểu hiện của bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Giáo dục và đào tạo. D. Văn hóa.

Câu 26. Việc thành lập khoa nam học và tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa nam học là biểu hiện của bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Gia đình. B. Khoa học. C. Y tế. D. Văn hóa.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 27, 28, 29

Thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, huyện Y đã tổ chức các lớp tập huấn, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến bình đẳng giới. Ngoài ra, chính quyền huyện còn có các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trên từng lĩnh vực như: bảo đảm tỉ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn, chính sách vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ, hỗ trợ các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nữ,... Các hoạt động này đã góp phần giúp nữ giới phát huy vai trò trong xã hội.

Câu 27. Các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong thông tin trên góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị, văn hóa, lao động. B. Giáo dục, kinh tế và chính trị.
C. Chính trị, kinh tế, lao động. D. Kinh tế, văn hóa, lao động.

Câu 28. Việc chính quyền huyện Y đảm bảo tỷ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế. B. Kinh doanh. C. Chính trị. D. Lao động.

Câu 29. Hoạt động hỗ trợ nghề cho phụ nữ của huyện Y đã góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

A. Lao động. B. Chính trị. C. Kinh tế. D. Kinh doanh.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng/ sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Vợ chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ, chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình cũng như trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp, sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

- a.** Vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình là bình đẳng giới trong quan hệ nhân thân.
- b.** Bình đẳng giới trong gia đình thể hiện ở việc giữa vợ và chồng đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung.
- c.** Bình đẳng giới trong gia đình chỉ gắn liền với quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân và tài sản.
- d.** Đối với nguồn thu nhập chung của vợ và chồng thì cả hai đều có quyền ngang nhau trong việc sở hữu, sử dụng và định đoạt nó.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trường mầm non dân lập B có nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo, tăng thêm số lớp trong trường. Để đáp ứng nhu cầu này, nhà trường đã thông báo tuyển dụng thêm giáo viên. Đọc được thông báo, anh Q và chị M cùng nộp hồ sơ dự tuyển vào vị trí giáo viên mầm non của trường B. Tuy nhiên, bà K (hiệu trưởng) đã từ chối hồ sơ của anh Q với lý do: nghề này chỉ phù hợp với nữ giới.

- a.** Việc bà K từ chối hồ sơ của anh Q là đã vi phạm quyền bình đẳng giới.
- b.** Anh Q và chị M bị vi phạm bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.
- c.** Bà K và anh Q đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- d.** Anh Q và chị M thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình anh T và chị M có ba người con. Ngoài việc lao động kiếm thu nhập cho gia đình, chị M còn phải một mình chăm sóc các con, quán xuyến công việc nhà. Biết được thông tin, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đã cử cán bộ hội đến vận động anh T chia sẻ công việc gia đình cùng vợ. Qua công tác tuyên truyền, anh T đã hiểu về bình đẳng giới trong gia đình, chủ động chia sẻ công việc với chị M.

- a.** Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.
- b.** Chị M một mình chăm sóc các con, quán xuyến công việc nhà là biểu hiện của bất bình đẳng giới.
- c.** Sự thay đổi hành vi của anh T là không phù hợp với quy định về bình đẳng giới trong gia đình.
- d.** Việc làm của Hội liên hiệp phụ nữ xã là một biểu hiện của biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Chị H đang làm việc tại công ty xuất nhập khẩu X. Chị luôn hoàn thành tốt mọi công việc được giao, có chuyên môn tốt và được đồng nghiệp quý mến. Công ty X muốn bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng nhân sự vì đang khuyết, giám đốc công ty lại không bổ nhiệm chị làm Trưởng phòng nhân sự mà lại bổ nhiệm anh Q với lý do chị là nữ không phù hợp với chức danh này.

- a.** Thông tin trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

- b. Giám đốc Công ty X không bổ nhiệm chị H làm Trưởng phòng nhân sự vì chị là nữ là vi phạm quyền bình đẳng giới trong lao động.
- c. Việc quyết định bổ nhiệm nhân sự dựa trên giới tính thay vì dựa trên năng lực và kỹ năng là bình đẳng giới.
- d. Việc áp dụng nguyên tắc bình đẳng giới khi bổ nhiệm là rất cần thiết.

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau:

Điều 39 Hiến pháp năm 2013: Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Theo đó, nam, nữ được đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng khi đáp ứng quy định về độ tuổi mà không có sự phân biệt về giới tính. Hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập. Trên cơ sở nhu cầu, đặc điểm và khả năng khác nhau của người học, người học có thể tham gia vào các cấp học, trình độ đào tạo khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi mà không có sự phân biệt về giới tính.

- a. Quy định mọi công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập là bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục.
- b. Quan điểm công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập xuất phát từ quy định công dân bình đẳng trước pháp luật.
- c. Bình đẳng giới được thể hiện trong thông tin trên là nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- d. Quan điểm nam, nữ được học tập, đào tạo và bồi dưỡng là biện pháp cơ bản để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam đã có một khung pháp lý khá đầy đủ để đảm bảo quyền của phụ nữ trên các lĩnh vực, đặc biệt là trong tổ chức Quốc hội. Nhờ đó, phụ nữ đã dần được khẳng định vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực này thông qua số lượng và chất lượng tham gia vào việc ra các quyết sách quan trọng đối với sự phát triển bền vững của xã hội. Có thể nhận thấy trong Quốc hội, tỷ lệ nữ là đại biểu Quốc hội tăng dần qua từng nhiệm kỳ. Nếu Quốc hội khóa I (1946-1960) chỉ có 10 đại biểu là nữ, chiếm 3% thì đến Quốc hội khóa XIV số đại biểu nữ được nâng lên 133 người, chiếm 26,8%. Đặc biệt, tại Quốc hội khóa XIV đã có nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên tại Việt Nam. Việt Nam đứng thứ 65/162 và nằm trong nhóm 1/3 các quốc gia đứng đầu thế giới về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.

- a. Nhà nước xây dựng và ban hành khung pháp lý để đảm bảo tỉ lệ nữ trong tổ chức Quốc hội là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.
- b. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng cao qua từng nhiệm kỳ thể hiện sự bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.
- c. Nhà nước xây dựng và ban hành khung pháp lý để đảm bảo quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực.
- d. Việc số lượng đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ tăng lên chứng tỏ phụ nữ đã dần được khẳng định vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực chính trị.

BÀI 11: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. văn hóa, giáo dục. C. chính trị. D. xã hội.

Câu 2: Nhà nước quan tâm hỗ trợ vốn đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. tín ngưỡng. C. truyền thông. D. tôn giáo.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền ?

- A. Tham gia bầu cử đại biểu quốc hội. B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo luật.
C. Đầu tư kinh doanh làm giàu hợp pháp. D. Ứng cử hội đồng nhân dân xã.

Câu 4: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. xã hội. B. văn hóa, giáo dục. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 5: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. tôn giáo. B. văn hóa. C. giáo dục. D. tín ngưỡng.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực chính trị?

- A. Tìm hiểu dịch vụ công trực tuyến B. Ứng cử hội đồng nhân dân.
C. Phát triển văn hóa truyền thống. D. Mở rộng dịch Homstay.

Câu 7: Việc bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. giáo dục. B. văn hóa. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 8: Nhà nước ban hành các chương trình, chính sách phát triển kinh tế ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. xã hội. B. Văn hóa. C. chính trị. D. kinh tế.

Câu 9: Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

- A. lao động. B. kinh tế. C. kinh doanh. D. chính trị.

Câu 10: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, của dân tộc mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. văn hóa. B. phong tục. C. chính trị. D. kinh tế.

Câu 11: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền bầu cử và ứng cử, quyền này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. chính trị. B. văn hóa. C. xã hội. D. kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 12,13,14

Tại cuộc họp các hộ gia đình trong bản đề bàn về việc bình xét hộ nghèo đủ điều kiện được vay vốn hỗ trợ sản xuất. Anh A và anh L đưa ra ý kiến cho rằng, trong bản có một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số và một số hộ dân tộc Kinh lên đây lập nghiệp có cuộc sống khó khăn nên ưu tiên các hộ này vay vốn trước. Anh M đứng lên phản đối anh A vì cho rằng việc nhà nước cho vay vốn chỉ áp dụng với đồng bào dân tộc thiểu số, người Kinh không thuộc đối tượng. Thấy ý kiến của anh M hợp lý, ông H trưởng bản đã quyết định chỉ lập danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Câu 12. Thông tin trên, chủ thể nào dưới đây **không** hiểu đúng quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Anh M và ông H. B. Anh A và anh M. C. Anh A và anh L. D. Anh L và ông H.

Câu 13. Anh M và ông H đã **không** hiểu đúng quyền bình đẳng giữa các dân tộc về lĩnh vực

- A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hóa. D. giáo dục.

Câu 14. Việc bình xét hộ nghèo đủ điều kiện được vay vốn hỗ trợ sản xuất là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hóa. D. giáo dục.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng/ sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau ba năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 đã đạt được kết quả nhất định. Các địa phương đã thực hiện 4.948 công trình trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ 489 hộ về đất ở, 402 mô hình phát triển sản xuất cộng đồng, 249 mô hình khởi nghiệp... Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 giảm 3,4%, đạt và vượt mục tiêu kế hoạch giao... Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác giáo dục ngôn ngữ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, 27/53 dân tộc thiểu số có bộ chữ viết riêng của dân tộc mình. Một số ngôn ngữ được sử dụng để in các tác phẩm văn nghệ truyền thống, các sáng tác mới.

a. 27/53 dân tộc thiểu số có bộ chữ viết riêng là thể hiện các dân tộc đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

b. Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội góp phần thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực kinh tế.

c. Các dân tộc thiểu số có bộ chữ viết riêng của dân tộc mình là bình đẳng trong lĩnh vực chính trị.

d. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Chị N là người dân tộc Dao sống ở xã vùng sâu của tỉnh S, sau khi tốt nghiệp THPT chị được nhận vào học tập tại trường Dự bị dân tộc đúng lúc gia đình chị được Nhà nước cho vay vốn ưu đãi để phát triển mô hình trồng rừng. Sau khi tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương, chị N đã tổ chức phục dựng thành công nhiều lễ hội truyền thống. Tuy nhiên, khi chị N nộp hồ sơ tự ứng cử vào Hội đồng nhân dân thì bị anh Q cán bộ tiếp nhận hồ sơ từ chối khi biết chị là người dân tộc thiểu số.

a. Gia đình chị N đã được hưởng quyền bình đẳng giữa các dân tộc về kinh tế.

b. Anh Q từ chối tiếp nhận hồ sơ tự ứng cử vào Hội đồng nhân dân của chị N là vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị.

c. Chị N được nhận vào học tại trường dự bị dân tộc là phù hợp với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực văn hóa.

d. Việc chị N phục dựng nhiều lễ hội truyền thống của dân tộc mình là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về lĩnh vực giáo dục.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Anh H một thanh niên dân tộc thiểu số, sau khi tốt nghiệp THPT anh được nhà nước hỗ trợ 50 triệu đồng để phát triển kinh tế gắn với du lịch cộng đồng. Sau 3 năm triển khai dự án, mô hình của anh H mang lại thu nhập cho bản thân anh và các hộ dân trong bản. Thấy anh H là thanh niên có khát vọng làm giàu, ủy ban nhân dân đã đề cử anh H đi học đại học theo chế độ cử tuyển. Nhận thấy đây là cơ hội nâng cao trình độ và có thể có cơ hội giúp địa phương nhiều hơn nên anh đã quyết định đi học đại học.

a. Anh H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực kinh tế.

b. Anh H chưa được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực giáo dục.

c. Ủy ban nhân dân đã tạo điều kiện để anh H được đi học đại học là biểu hiện của bình đẳng trên lĩnh vực kinh tế.

d. Việc anh H được hỗ trợ để phát triển kinh tế gắn với du lịch cộng đồng là vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị.

- A. Chính quyền xã B phân biệt đối xử giữa các tôn giáo trên địa bàn.**

- B. Trên địa bàn xã B thường xuyên diễn ra các cuộc xung đột tôn giáo.
- C. Các tôn giáo trên địa bàn xã B bình đẳng trong hoạt động tôn giáo.
- D. Tại xã B, tín đồ theo các tôn giáo khác nhau thường có mâu thuẫn.

Câu 12. Theo thông tin trên thì quy định của pháp luật, quyền tự do, tín ngưỡng tôn giáo của mọi người được Nhà nước

- A. tôn trọng và bảo hộ. B. phân biệt đối xử. C. chỉ định. D. áp đặt.

Câu 13. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo của các tôn giáo khác nhau đều có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật khác có liên quan - đó là nội dung bình đẳng giữa các tôn giáo về

- A. quyền. B. nghĩa vụ. C. giáo lí, giáo luật. D. trách nhiệm pháp lí.

Câu 14. Người dân xã B tin và theo nhiều tôn giáo khác nhau phải có nghĩa vụ tuân thủ văn bản nào sau đây?

- A. Hiến pháp. B. Quy ước. C. Hương ước. D. Thỏa ước.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 15, 16, 17

Chị H và gia đình chị đều theo đạo Y. Đến khi lấy chồng, chị muốn bỏ đạo Y để theo đạo P, cùng với đạo của chồng chị. Khi biết tin, bà K (mẹ chị H) không đồng ý và ra sức ngăn cản. Bà K còn tuyên bố sẽ không gặp mặt chị H nữa nếu chị quyết tâm từ bỏ tôn giáo Y. Trong khi đó, ông M (bố chị H) không ngăn cản vì ông cho rằng, đây là quyền tự do của công dân, không ai có thể ngăn cản người khác theo hoặc không theo tôn giáo nào.

Câu 15. Hành vi của bà K trong tình huống trên đã vi phạm quyền nào của công dân?

- A. Bình đẳng giữa các tôn giáo. B. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. Bình đẳng trong việc hưởng quyền. D. Bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ.

Câu 16. Trong tình huống trên, chủ thể nào đã **không** vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân?

- A. Chị H. B. Chị H và ông M. C. Bà K và ông M. D. Ông M.

Câu 17. Ngăn cản người khác theo hoặc không theo tôn giáo nào là vi phạm

- A. nghĩa vụ pháp lí. B. quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. quyền bình đẳng giữa tôn giáo. D. quyền bình đẳng giữa các vùng, miền.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng/ sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ở Việt Nam hiện nay, tất cả các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Nhiều ngày lễ quan trọng của nhiều tôn giáo đã trở thành ngày lễ chung của cộng đồng. Mọi người dân Việt Nam đều có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo đảm, số lượng các tín đồ tôn giáo tăng nhanh. Theo số liệu cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019 thì cả nước có hơn 13,162 triệu người xác nhận theo một trong những tôn giáo được đăng kí chính thức.

- a. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
- b. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân.
- c. Người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, tôn trọng nhau.
- d. Số lượng tín đồ các tôn giáo gia tăng thể hiện đời sống tôn giáo của người dân ngày càng đi xuống.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Anh A và chị B là vợ chồng, hai người chung sống cùng nhà với bố mẹ anh A là ông T và bà C. Chị B là người theo tôn giáo và thường đi cầu nguyện nhằm mong muốn có một cuộc sống bình an, tốt đẹp. Nhưng theo anh A, việc thực hành tôn giáo của chị B rất mất thời gian, không mang lại lợi

ích kinh tế cho gia đình. Chị B không đồng ý vì đây là quyền tự do của công dân về tôn giáo, tín ngưỡng. Tuy nhiên, anh A vẫn phản đối và thường xuyên lên án, cấm đoán không cho chị thực hành tôn giáo của mình. Thấy vợ chồng hai con thường xuyên bất hòa, ông T và bà C tuyên bố: nếu chị B không từ bỏ việc thực hành tôn giáo thì sẽ đuổi chị B ra khỏi nhà.

a. Hành vi của ông C, bà T và anh A trong tình huống sau đã vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

b. Hành vi cản trở chị B theo tôn giáo của anh A, ông T và bà C là phù hợp với hoàn cảnh gia đình nên không vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

c. Việc anh A phản đối, cấm đoán không cho chị B thực hành tôn giáo là vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

d. Việc ông T và bà C yêu cầu chị B từ bỏ việc thực hành tôn giáo là hành vi gây mất đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong thời gian có dịch bệnh, chính quyền thành phố X đã ra quy định cấm tụ tập đông người, nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, nhưng cơ sở của tôn giáo T và của tôn giáo N vẫn lên lút tổ chức sinh hoạt tôn giáo dẫn đến dịch bệnh lây lan nhiều tại địa phương. Khi bị phát hiện, chính quyền thành phố đã yêu cầu cả hai cơ sở tôn giáo T và tôn giáo N phải tạm dừng sinh hoạt tôn giáo và xử phạt hành chính đối với cả hai cơ sở tôn giáo này.

a. Chính quyền thành phố X xử phạt hành chính đối với cơ sở của tôn giáo T và N là bình đẳng về trách nhiệm pháp lý giữa các tôn giáo.

b. Tôn giáo T và tôn giáo N lên lút tổ chức sinh hoạt tôn giáo là bình đẳng về quyền giữa các tôn giáo.

c. Chính quyền thành phố X có sự phân biệt đối xử giữa tín đồ hai tôn giáo T và N.

d. Việc thành phố X ra quy định cấm tụ tập đông người để sinh hoạt tôn giáo nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh là vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Đến năm 2018, Việt Nam đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo với trên 26 triệu tín đồ, 55 870 chức sắc, 145 561 chức việc, 29 396 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo và đại bộ phận chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, với tác động của tình hình quốc tế, mặt trái của toàn cầu hóa và cơ chế thị trường, âm mưu “chính trị hoá tôn giáo” của các thế lực thù địch đã làm cho đời sống tôn giáo bị tác động và không ngừng biến đổi, tiềm ẩn nhiều “nguy cơ”.

a. Mặt trái của cơ chế thị trường đã làm cho đời sống tôn giáo bị tác động và không ngừng biến đổi là hành vi lợi dụng tôn giáo.

b. Nhà nước Việt Nam công nhận và cấp phép đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo khác nhau là thể hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.

c. Việc các tôn giáo hợp pháp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

d. Âm mưu “chính trị hoá tôn giáo” là thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau:

Với mong muốn được công nhận là tổ chức tôn giáo mới tại Việt Nam, anh B cùng với các thành viên trong một tổ chức đã chuẩn bị các điều kiện như: giáo lí, tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động, người đại diện,... để được cung cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức của anh B

đã thu hút được nhiều người tham gia sinh hoạt phục vụ cộng đồng, xã hội. Sau năm năm hoạt động ổn định, liên tục, có cơ cấu tổ chức, có hiến chương và đầy đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật, tổ chức của anh B đã được công nhận là tôn giáo hợp pháp

- a.** Việc làm của anh B trong trường hợp trên là thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
- b.** Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo do anh B đề nghị là thể hiện các tôn giáo được bình đẳng về quyền.
- c.** Khi được cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động, các tôn giáo có quyền tự do hoạt động tôn giáo không cần tuân thủ các quy định của pháp luật.
- d.** Anh B và các thành viên được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo góp phần củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo.

Hết